

## **ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**

- Tên ngành đào tạo: **Lâm nghiệp (Forestry)**
- Mã số: **52620201**
- Tên cơ sở đào tạo: **Trường Đại học Kinh tế Nghệ An**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**

### **PHẦN 1**

## **SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**

Trường đại học Kinh tế Nghệ An (tiên thân là trường Cao đẳng kinh tế - Kỹ thuật Nghệ An) là trường Đại học công lập nằm trong hệ thống giáo dục Đại học Việt Nam trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, có trụ sở chính tại Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Trường được thành lập từ năm 1960, năm 2005 trường được nâng cấp thành trường Cao đẳng, đến tháng 1 năm 2014 được nâng cấp thành trường Đại học Kinh tế Nghệ An theo Quyết định số 205/QĐ-TTg, ngày 27 tháng 1 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Trải qua 54 năm xây dựng và phát triển, hoạt động đào tạo của nhà trường đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, khẳng định được vị thế của trường trong xã hội, được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng nhất, nhì, ba và nhiều phần thưởng cao quý khác.

Căn cứ Đề án thành lập trường, Chiến lược phát triển Trường Đại học Kinh tế Nghệ An đến năm 2018 và các quy định về điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, định chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tại Thông tư số 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2011, Trường Đại học Kinh tế Nghệ An lập Đề án đăng ký mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Lâm nghiệp trình Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

Việt Nam có diện tích rừng và đất rừng chiếm 2/3 diện tích tự nhiên, là đối tượng của sản xuất nông lâm nghiệp, đây cũng là nơi sinh sống của trên 25 triệu dân có trình độ dân trí thấp. Xác định Lâm nghiệp là một ngành kinh tế kỹ thuật đặc thù, đồng thời ngành lâm nghiệp có vai trò rất quan trọng trong việc bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, xoá đói, giảm nghèo, đặc biệt cho người dân miền núi, góp phần ổn định xã hội và an ninh quốc phòng, “Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006 – 2020” đề ra mục tiêu đào tạo trong lâm nghiệp là tạo thêm 2 triệu việc làm mới trong ngành Lâm nghiệp, đào tạo nghề cho 50% nông dân làm nghề rừng và khu vực các làng nghề chế biến lâm sản, 80% cán bộ quản lý rừng ở địa phương được đào tạo về điều tra rừng và xây dựng, thực thi kế hoạch quản lý bảo vệ

rừng. Đối với đào tạo chính quy, bình quân mỗi năm khoảng 5.000 sinh viên học sinh ngành lâm nghiệp, chú ý đào tạo nâng cao cho các cán bộ chủ chốt.

Tỉnh Nghệ An nằm ở trung tâm của khu vực Bắc Trung bộ, có diện tích tự nhiên 1.649.085 ha, trong đó đất nông nghiệp 1.245.261 ha, đất có rừng 970.570 ha. Dân số 2.951.985 người với 1.693.140 lao động. Tỉnh có 17 huyện, 03 thị xã và 01 thành phố trực thuộc, có 480 xã phường, thị trấn. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XVII nhiệm kỳ 2010-2015 xác định phương hướng nhiệm vụ trong những năm tới là *"Tập trung xây dựng nông thôn mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Phấn đấu đến năm 2015 giá trị thu nhập trên đơn vị diện tích canh tác đạt 47-50 triệu đồng/ha; giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tăng bình quân 4,5-5%/năm. Phát triển nông lâm nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững. Đẩy mạnh việc gắn kết chặt chẽ "4 nhà" (nhà nông, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp, nhà nước) và phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn"*.

Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2020 đề ra *"phải thực hiện tốt Chương trình xây dựng nông thôn mới, phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng nông nghiệp sinh thái, ứng dụng công nghệ cao. Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền tây Nghệ An thành một trong 3 vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh, gắn vùng nguyên liệu với khai thác. Phát triển hệ thống các cơ quan nghiên cứu, chuyển giao khoa học - công nghệ; thu hút các tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của các bộ, ngành Trung ương, quốc tế đặt trụ sở tại Nghệ An. Xây dựng đội ngũ trí thức đủ năng lực tham mưu, hoạch định quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội và nghiên cứu ứng dụng khoa học - công nghệ của tỉnh"*.

Tỉnh Nghệ An có Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn là cơ quan tham mưu cho UBND tỉnh về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực lâm nghiệp. Để giúp cho Sở thực hiện nhiệm vụ, có các đơn vị trực thuộc: Chi cục lâm nghiệp, chi cục kiểm lâm với 24 hạt kiểm lâm trực thuộc, đoàn điều tra quy hoạch Lâm nghiệp, Trung tâm khuyến nông - khuyến lâm tỉnh, Trung tâm Khoa học kỹ thuật Lâm nghiệp, 14 Ban quản lý rừng phòng hộ, 16 Công ty lâm nghiệp. Ở huyện có 21 phòng Nông nghiệp, 21 trung tâm khuyến nông - lâm. Ở xã có 462 Ban nông lâm nghiệp xã. Ngoài ra trên địa bàn tỉnh còn có Phân viện điều tra quy hoạch Lâm nghiệp Bắc Trung bộ, 01 Vườn Quốc gia, 02 khu bảo tồn thiên nhiên, 09 tổng đội TNXP làm kinh tế ở khu vực miền núi.

Theo khảo sát của khoa Nông Lâm Ngư trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Nghệ An (nay là trường Đại học Kinh tế Nghệ An) cho thấy, trình độ cán bộ kỹ thuật ngành Lâm nghiệp trong những năm gần đây đã có những thay đổi, chất lượng được nâng lên. Cán bộ công nhân viên chức trong ngành

lâm nghiệp trong tỉnh là 1.743 người, trong đó trình độ đại học và trên đại học 255 người, cao đẳng và trung cấp 216 người, chưa qua đào tạo 1.272 người. Số cán bộ cấp huyện, đặc biệt là cấp xã hoặc tương đương chưa đáp ứng được việc chuẩn hóa cán bộ trong giai đoạn hiện nay. Trong chiến lược phát triển lâm nghiệp tỉnh Nghệ An đến năm 2015, định hướng đến 2020 đề ra giải pháp *"tiếp tục thực hiện thu hút nhân tài, chính sách hỗ trợ cho cán bộ chuyên gia giỏi có nguyện vọng về Nghệ An công tác, đồng thời tiến hành rà soát đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn, kỹ thuật để tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức đào tạo, gửi đi đào tạo và đào tạo lại cho phù hợp với các chuyên ngành và nhu cầu sản xuất kinh doanh của ngành cũng như của từng cơ sở"*

Theo điều tra xã hội học của viện chiến lược kinh tế Việt Nam, thì nhu cầu đào tạo đại học, cao đẳng quản lý kinh tế chiếm khoảng trên 30% số thí sinh trúng tuyển, ngành nông - lâm nghiệp chiếm khoảng 5% số thí sinh trúng tuyển, từ đó thấy rằng tiềm năng tuyển sinh kỹ sư nông, lâm nghiệp của Nghệ An và khu vực Bắc Miền trung là rất lớn.

Hiện nay, cơ sở đào tạo ngành Lâm nghiệp với trình độ đại học ở trong khu vực không có nhiều (có trường Đại học Hồng Đức ở Thanh Hóa, Đại học Quảng Bình, Đại học Nông Lâm Huế), còn trên địa bàn thành phố Vinh chưa có trường nào đào tạo. Để đáp ứng nguồn nhân lực có trình độ đại học về Lâm nghiệp là rất cần thiết đối với đất nước, cũng là mong muốn của cán bộ lãnh đạo và nhân dân các tỉnh vùng Bắc Trung bộ nói chung và Nghệ An nói riêng.

Trường Đại học Kinh tế Nghệ An là một trong những cơ sở đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực Kinh tế, Nông - Lâm nghiệp. Trước sự đòi hỏi của thực tiễn, Trường Đại học Kinh tế Nghệ An xây dựng Đề án đào tạo ngành Lâm nghiệp trình độ Đại học, như một yêu cầu cấp thiết về đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội khu vực Bắc Trung bộ, góp phần nâng cao vị thế, vai trò và chức năng của Đại học Kinh tế Nghệ An.

Năm 2007, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã cho phép Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Nghệ An (nay là Trường Đại học Kinh tế Nghệ An) mở ngành đào tạo Lâm nghiệp trình độ Cao đẳng. Năm 2008, Trường đã tuyển sinh đào tạo ngành Lâm nghiệp khóa đầu tiên với trên 60 sinh viên. Từ năm 2008 đến nay, quy mô đào tạo ngành Lâm nghiệp của trường không ngừng tăng lên, đã có 04 khóa ra trường với trên 200 sinh viên tốt nghiệp.

Bộ môn Lâm nghiệp trực thuộc Khoa Nông Lâm ngư của trường Đại học Kinh tế Nghệ An được thành lập trên cơ sở sáp nhập toàn bộ Bộ môn Lâm nghiệp của trường Trung cấp Nông Lâm Nghệ An, với 15 giảng viên, trong đó có 01 tiến sĩ chuyên ngành Thực vật học, 02 NCS chuyên ngành Lâm

nghiệp (01 NCS sẽ bảo vệ trong tháng 6/2014, 01 NCS sẽ bảo vệ trong tháng 8/2014), 08 thạc sĩ, 01 giảng viên đang học cao học và 03 cử nhân.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, khách quan và phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước, nhằm phục vụ công tác đào tạo nguồn nhân lực, đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong ngành Lâm nghiệp, việc mở ngành Lâm nghiệp trình độ đại học của trường Đại học Kinh tế Nghệ An là hết sức cần thiết. Hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học sẽ góp phần đưa thành phố Vinh thành trung tâm đào tạo của vùng Bắc Trung bộ, phù hợp với xu thế phát triển và yêu cầu đào tạo cán bộ chất lượng cao phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

Với tiềm lực hiện có về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo, nguồn nhân lực cùng với đề án đầu tư và phát triển Nhà trường trong thời gian tới, Khoa Nông Lâm Trường Đại học Kinh tế Nghệ An chắc chắn sẽ thực hiện tốt, có hiệu quả và đảm bảo chất lượng đối với ngành đào tạo Lâm nghiệp bậc đại học.

## PHẦN 2

### NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

#### 1. Đội ngũ giảng viên

Tính đến thời điểm hiện tại, tổng số cán bộ, giảng viên, công nhân viên trong trường là 207 người, trong đó số cán bộ giảng dạy là 167 người, cán bộ quản lý và phục vụ là 40 người. Có 07 tiến sĩ, 91 thạc sĩ, 69 đại học; 20 người đang học cao học và 18 nghiên cứu sinh (có 04 người sẽ bảo vệ tiến sĩ trong năm 2014).

- Đội ngũ giảng viên:

+ Có 59 giảng viên thuộc khoa Cơ sở Cơ bản và khoa Lý luận chính trị, trong đó có 01 trình độ tiến sĩ, 35 trình độ thạc sĩ đủ trình độ giảng dạy phần kiến thức giáo dục đại cương.

+ Bộ môn Lâm nghiệp trực thuộc Khoa Nông Lâm ngư có 15 giảng viên, trong đó có 01 tiến sĩ, 02 NCS, 8 thạc sĩ, 1 giảng viên đang học cao học và 3 cử nhân, đủ điều kiện để mở ngành đào tạo Lâm nghiệp theo quy định tại Thông tư 08/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhà trường dự kiến bố trí 40 giảng viên cơ hữu, trong đó trên 80% có trình độ thạc sĩ và tiến sĩ tham gia giảng dạy được hơn 70% học phần thuộc ngành Lâm nghiệp. Trong đó có 24 giảng viên giảng dạy các học phần thuộc kiến thức giáo dục đại cương (gồm : 18 thạc sĩ, 6 cử nhân), 16 giảng viên giảng dạy các học phần thuộc kiến thức chuyên nghiệp (gồm 1 tiến sĩ, 14 thạc sĩ, 01 kỹ sư, trong đó có 01 tiến sĩ có chuyên ngành Chọn giống, gần với ngành Lâm nghiệp; 04 thạc sĩ ngành Lâm nghiệp, 02 NCS ngành Lâm nghiệp: 01 bảo vệ tháng 6/2014 và 01 bảo vệ tháng 8/2014). *(chi tiết tại bảng 1 dưới đây)*

**Bảng: Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy các môn học/học phần ngành Lâm nghiệp**

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần/môn học, số tín chỉ/ĐVHT dự kiến đảm nhiệm
1	Nguyễn Thị Lam, 1985 Giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Triết học	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1, 2TC
2	Nguyễn Thị Kim Dung, 1979, Giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	LL và PPDH Giáo dục chính trị	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2, 3TC
3	Nguyễn Quốc Sơn, 1978, Giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Chính trị học	Tư tưởng Hồ Chí Minh, 2TC
4	Nguyễn Thị Tùng, 1978, Giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Triết học	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, 3TC
5	Trần Thị Thu Hà, 1977, Tổ phó tổ luật		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Luật kinh tế	Pháp luật đại cương , 2TC
6	Trần Thị Vân Diên, 1980, Giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Hành chính công	Soạn thảo văn bản, 2TC
7	Nguyễn Thị Kim Dung, 1983, Giảng viên		Cử nhân, Việt Nam, 2006	Lưu trữ học và Quản trị Văn phòng	Dân số học, 2TC
8	Trần Thị Bình, 1977, Giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Triết học	Xã hội học, 2TC

9	Nguyễn Thị Bích Thủy, 1965, Trưởng khoa CSCB – tổ trưởng tổ ngoại ngữ		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Anh văn 1, 3TC
10	Nguyễn Thị Lan Hương, 1976, Giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Anh văn 2, 4TC
11	Nguy Văn Thùy, 1976 Tổ phó tổ Anh văn		Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Anh văn chuyên ngành, 2TC
12	Nguyễn Thị Hà, 1980 Giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, 2005	Toán học	Toán cao cấp, 3TC
13	Ngô Hòa Châu Loan, 1987 Giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Đại số và lý thuyết số	Xác suất thống kê, 3TC
14	Cao Thị Phương Thảo, 1980 Giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, 2008	Công nghệ Thông tin	Tin học đại cương , 3TC
15	Lê Thị Hoàng, 1981, Giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Hóa phân tích	Hóa đại cương, 3TC
16	Lê Thị Vân Hà, 1976, Giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, 2002	Hóa phân tích	Hóa phân tích, 3TC
17	Đinh Thị Thu Hương, 1979, Giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, 2006	Sinh học thực nghiệm	Sinh học đại cương, 2TC Sinh học phân tử, 2TC
18	Đỗ Ngọc Đài, 1982 Giảng viên		Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Thực vật	Hình thái và phân loại thực vật, 2TC Địa lý thực vật, 2TC

19	Võ Thị Nguyên, 1963 Tổ trưởng tổ TD-QP		Cử nhân, Việt Nam, 1986	Thể dục thể thao	Giáo dục thể chất 1, 1TC
20	Lê Viết Vinh, 1980 Phó Khoa CSCB		Cử nhân, Việt Nam, 2002	Thể dục thể thao Chứng chỉ QP	Giáo dục thể chất 2, 1TC
21	Ngô Đăng Vinh, 1988 Giảng viên		Cử nhân, Việt Nam, 2010	GD Thể chất	Giáo dục thể chất 3, 1TC
22	Nguyễn Thị Hải Hậu, 1979, Tổ phó tổ TD-QP		Thạc sĩ, Việt Nam, 2006	TDTT Chứng chỉ QP	Giáo dục quốc phòng - anh ninh 1, 3TC
23	Hồ Chí Quý, 1987 Giảng viên		Cử nhân, Việt Nam, 2010	SP thể dục- Quốc phòng	Giáo dục quốc phòng - anh ninh 2, 2TC
24	Nguyễn Tụ Cường, 1981 Giảng viên		Cử nhân, Việt Nam, 2003	TDTT Chứng chỉ QP	Giáo dục quốc phòng - anh ninh 3, 3TC
25	Vương Thúy Hằng, 1978 Giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, 2007	Trồng trọt	Sinh lý thực vật, 3TC Công nghệ sinh học, 2TC
26	Võ Thị Dung, 1977 Phó khoa Nông Lâm Ngư		Thạc sĩ, Việt Nam, 2006	Nông nghiệp	Khí tượng thủy văn, 3TC
27	Hoàng Hoa Quế, 1955 Giảng viên chính		Thạc sĩ, Việt Nam, 1998	Lâm nghiệp	Sinh thái rừng, 3TC Thực vật rừng, 3TC Khoa học gỗ, 2TC
28	Tăng Văn Tân, 1970 Giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, 2007	Lâm học	Đất lâm nghiệp, 3TC Thống kê lâm nghiệp, 2TC Sản lượng rừng, 2TC
29	Trương Quang Ngân, 1975, Giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, 2005	Quản lý đất đai	Đo đạc lâm nghiệp, 3TC



30	Nguyễn Hoàng Tiên, 1979 Giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, 2008	Trồng trọt	Hóa sinh đại cương, 2TC
31	Nguyễn Thị Lệ Quyên, 1982 Giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, 2008 (NCS, 2014)	Lâm nghiệp	Động vật rừng, 2TC Côn trùng lâm nghiệp, 2TC Lâm nghiệp xã hội, 2TC
32	Nguyễn Thị Trà, 1987 Giảng viên		Kỹ sư, 2009, học viên cao học	Lâm nghiệp	Kỹ thuật lâm sinh, 3TC, Khai thác lâm sản Điều tra rừng, 3TC
33	Phan Thị Thanh Bình, 1979, Tổ trưởng tổ Luật		Thạc sĩ, Việt Nam, 2008	Luật kinh tế	Chính sách lâm nghiệp, 3TC
34	Nguyễn Công Trường, 1977, Phó khoa Nông Lâm Ngư		Thạc sĩ Việt Nam 2007, NCS Nga, 2014	Lâm học	Quy hoạch lâm nghiệp, 3TC Phòng chống cháy rừng, 3TC PP NCKH chuyên ngành, 2TC
35	Trần Thị Thúy Nga, 1980 Giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	Lâm học	Trồng rừng, 3TC Lâm sản ngoài gỗ, 2TC Bệnh hại rừng, 2TC
36	Hoàng Hữu Chất, 1954 Giảng viên chính, trưởng khoa Nông Lâm Ngư		Thạc sĩ, Việt Nam, 2002	Nông nghiệp	Nông Lâm kết hợp, 2TC Khuyến lâm
37	Nguyễn Xuân Lai, 1958 Giảng viên		Tiến sĩ, Tiệp khắc	Chọn giống cây trồng	Giống cây rừng, 3TC
38	Lê Thị Xuân, 1977 Trưởng bộ môn Kinh tế		Thạc sĩ, Việt Nam, 2006	Kinh tế	Kinh tế lâm nghiệp, 2TC Quản lý dự án LN, 2TC

39	Chu Thị Hải, 1962 Giảng viên chính		Thạc sĩ, Việt Nam, 2005	Nông nghiệp	Đa dạng sinh học, 2TC
40	Đào Thị Nha Trang, 1982 Tổ phó tổ tin		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Hệ thống Thông tin	Ứng dụng GIS trong Lâm nghiệp, 2TC

**Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An**

*Vinh, ngày tháng 4 năm 2014*  
**Hiệu trưởng**

- Đội ngũ kỹ thuật viên, hướng dẫn thí nghiệm thực hành: Có 7 người, trong đó có 04 thạc sĩ, 03 kỹ sư thuộc các lĩnh vực nông lâm nghiệp, tin học, ngoại ngữ sẽ đảm nhận tất cả các nội dung thực hành và thí nghiệm của ngành đào tạo (chi tiết tại bảng 2 dưới đây)

**Bảng 2. Danh sách kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thí nghiệm cơ hữu phục vụ ngành đăng ký đào tạo**

Số TT	Họ và tên, năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năm tốt nghiệp	Phụ trách PTN, thực hành	Phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ học phần/môn học nào trong chương trình đào tạo
1	Đình Thị Thu Hương Sinh năm:1979	Thạc sĩ, Sinh học thực nghiệm, Việt Nam, 2006	Phòng thí nghiệm Sinh lý – sinh hóa	Sinh đại cương Hình thái và phân loại thực vật Công nghệ sinh học Hóa sinh đại cương Sinh lý thực vật Đất lâm nghiệp Hóa đại cương Hóa phân tích
2	Võ Thị Nhung, 1959	Kỹ sư Nông học, Việt Nam, 2007	Phòng thí nghiệm Bảo vệ thực vật	Côn trùng lâm nghiệp Bệnh hại rừng Thực vật rừng
3	Hoàng Hà, 1976	Thạc sĩ, Việt Nam, 2008	Tin học	Tin học đại cương
4	Ngụy Văn Thùy, 1979	Thạc sĩ, Anh văn Việt Nam, 2010	Phòng LAB học tiếng nước ngoài	Anh văn cơ bản Anh văn chuyên ngành

5	Nguyễn Thị Minh, 1961	Kỹ sư Nông học, Việt Nam, 2007	Phòng thực hành Lâm sinh	Khoa học gỗ Động vật rừng Lửa rừng Khai thác lâm sản Điều tra rừng
6	Trần Thái Yên, 1975	Thạc sĩ Quản lý đất đai	Phòng thực hành vẽ bản đồ	Đo đạc lâm nghiệp Quy hoạch lâm nghiệp Ứng dụng GIS trong Lâm nghiệp
7	Nguyễn Viết Hùng, 1985	Kỹ sư Nông học, Việt Nam, 2008	Vườn thực nghiệm	Trồng rừng Giống cây rừng

**Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An**

Vinh, ngày tháng 4 năm 2014  
**Hiệu trưởng**

## 2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

### 2.1. Phòng học, giảng đường

Trường có 45 giảng đường được trang bị các thiết bị hỗ trợ giảng dạy như máy chiếu Projector, Loa, âm li... có diện tích bình quân trên 100m<sup>2</sup>/phòng. Ngoài ra còn có 02 phòng LAB học tiếng nước ngoài với 60 cabin gồm máy tính và các phụ kiện kèm theo; 6 phòng thực hành máy tính với 180 máy kết nối mạng LAN. (chi tiết tại bảng 3)

**Bảng 3. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy**

Số TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Giảng đường/phòng học	45	4.824	Projector Loa, âm li	30 10	Các môn học lý thuyết
2	Phòng LAB học tiếng nước ngoài	2	160	Cabin nghe Máy vi tính kết nối mạng LAN Headphone Đầu DVD Đài cassette	60 60 60 2 6	Anh văn cơ bản, Anh văn chuyên ngành
3	Phòng thực hành máy tính	6	640	Máy vi tính kết nối mạng LAN	180	Thực hành tin học, kế toán máy, tin học ứng dụng cho các ngành

Vinh, ngày tháng 4 năm 2014

**Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo  
Nghệ An**

**Hiệu trưởng**

## 2.2. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành

Trên cơ sở thừa kế toàn bộ cơ sở thực hành của trường Nông Lâm trước đây, căn cứ vào nội dung chương trình đào tạo và xu hướng phát triển của ngành Lâm nghiệp, trước mắt nhà trường đã bố trí 4 phòng thí nghiệm, thực hành và 02 vườn thực nghiệm, đảm bảo thực hiện các nội dung trong chương trình đào tạo ngành Lâm nghiệp (*chi tiết tại bảng 4*)

**Bảng 4. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành  
và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành**

Số TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ môn học /học phần
1	Phòng thí nghiệm Sinh lý – Sinh hóa		Máy li tâm lạnh	1	Sinh đại cương
			Tủ lạnh	1	Hình thái và phân loại thực vật
			Cân phân tích điện tử	1	Công nghệ sinh học
			Cân kỹ thuật	1	Hóa sinh đại cương
			Tủ sấy	1	Sinh lý thực vật
			Máy đo pH	1	Đất lâm nghiệp
			Máy đo độ Brix điện tử	1	Hóa đại cương
			Khúc xạ kế đo độ mặn	1	Hóa phân tích
			Máy vi tính	1	
			Đèn cồn	5	
			Cối nghiền đất	3	
			Kéo Inox	5	
			Máy chung nước cất	1	
			Máy đo cường độ ánh sáng	1	
			Tủ cấy vô trùng (Có tia cực tím)	1	
			Máy đo nồng độ Oxy	1	
			Máy đo cường độ quang hợp	1	
			Máy đo hàm lượng tinh bột	1	
			Máy nghiền thực vật tươi	1	
			Máy nghiền thực vật khô	1	
			Bếp từ	1	
			Kính hiển vi 2 mắt (1000x)	4	

			Nắp chuông bảo quản kính	4	
			Máy đo độ dẫn của đất	1	
			Máy so màu hiện số	1	
			Máy đo độ ẩm nông sản	1	
			Dụng cụ đo độ cứng đất	1	
			Bộ rây đất Ø 5 → 25 cm	5	
			Tủ đựng hóa chất	1	
			Bộ bàn thực hành có phụ kiện kèm theo (bồn rửa, vòi rửa, kệ đựng dụng cụ)	1	
			Bình tam giác loại 250 ml	50	
			Bình tam giác loại 500 ml	20	
			Bình tam giác loại 1000 ml	10	
			Pipet	10	
			Đũa thủy tinh	10	
			Ống hút	10	
			Đĩa Petri Ø 5- 15 cm	100	
			Ống nghiệm (1 khay)	200	
			Khay đựng ống nghiệm	5	
			Ống nhỏ giọt	5	
			Lamen	4	
			Lam kính	4	
			Phễu thủy tinh các loại	20	
			Ống đong các loại	10	
2	Phòng thí nghiệm Bảo vệ thực vật		Panh gấp côn trùng	5	Côn trùng lâm nghiệp
			Kính hiển vi thông thường	10	Bệnh hại rừng
			Cân điện tử	01	Giống cây rừng
			Cân tiểu ly	01	Thực vật rừng
			Cân kỹ thuật	01	
			Tủ sấy	01	
			Máy đo pH	03	
			Máy li tâm lạnh	01	
			Tủ lạnh	01	
			Tủ cấy vô trùng	01	
			Bếp từ	01	
			Kính hiển vi 2 mắt (1000x)	01	

		Nắp chuông bảo quản kính	01	
		Bơm chân không	01	
		Máy đo độ đặc hoa quả	01	
		Máy đo độ ẩm hạt	01	
		Máy nghiền thực vật tươi	01	
		Máy nghiền thực vật khô	01	
		Máy đếm hạt	01	
		Tủ định ôn	01	
		Nồi hấp	01	
		Bộ bàn thực hành có phụ kiện kèm theo (bồn rửa, vòi rửa, kệ đựng dụng cụ)	01	
		Ống hút côn trùng	10	
		Khay đựng mẫu 6 x 25 x 50(cm)	10	
		Khay đựng mẫu 6 x 40 x 60 (cm)	10	
		Que cấy nấm	10	
		Lamen	10	
		Lam kính	10	
		Ống nghiệm (2 giá)	80	
		Đĩa Petri Ø 5- 15 cm	100	
		Kẹp ống nghiệm	20	
		Bình tam giác loại 250 ml	20	
		Bình tam giác loại 500 ml	20	
		Bình tam giác loại 1000 ml	10	
		Ống đong có chia khắc	20	
		Đũa thủy tinh	20	
		Đèn cồn	5	
		Lọ đựng mẫu thủy tinh loại 1500 ml	20	
		Dao ghép chuyên dụng	20	
		Nilong ghép chuyên dụng	10	
		Phễu thủy tinh các loại	20	
		Tủ đựng hóa chất	01	
3	Phòng thực hành Lâm sinh	Thiết bị đo chiều cao cây điện tử Vertex IV	01	Khoa học gỗ Động vật rừng



		Máy cưa xăng	01	Lửa rừng
		Máy cắt thực bì	01	Khai thác lâm sản
		Thiết bị đo độ che phủ tán cây	01	Điều tra rừng
		Thước đo cao SUUNTO	01	
		Máy thổi gió đeo vai chuyên dụng chữa cháy rừng	01	
		Kính hiển vi loại 2 mắt (x1000)	02	
		Dao tạ	04	
		Cưa đôi	02	
		Cưa cung	04	
		Thước dây đo dài 50 mét	04	
		Thước nhôm đo đường kính cây	04	
		Cặp tiêu bản thực vật	10	
		Thiết bị đo cao của cây (Bunlay)	04	
		Khoan tăng trưởng	01	
		Vi dụng lõi khoan	01	
		Ống nhòm ngày	01	
		Máy quay CAMERA	01	
		Máy ảnh kỹ thuật số	01	
		Kính lúp 5x10x15	05	
		Cưa tay	04	
		Vi dập lửa	04	
		Cào 4 răng chữa cháy	02	
		Tủ sấy	01	
		Tủ đựng hóa chất có quạt hút	01	
		Bàn thí nghiệm trung tâm	01	
		Bàn thí nghiệm áp tường	01	
		Ghế xoay inox ba chân	30	
		Lều dành cho 2 – 3 người	04	
		Thùng đựng tiêu bản thực vật	10	
4	Phòng thực hành vẽ bản đồ	Máy tính	20	Đo đạc lâm nghiệp
		Máy quét A0	01	Quy hoạch
		Máy quét A4	01	Lâm nghiệp

			Máy in màu Ao	01	Ứng dụng GIS trong LN
			Máy in màu A4	01	
			Bàn cân bản đồ	05	
			Địa bàn ba chân	04	
			Máy định vị vệ tinh cầm tay GPS	05	
			Máy thủy chuẩn tự động	02	
			Máy trắc địa điện tử	02	
5	Vườn thực nghiệm gieo ươm cây nông lâm nghiệp	5000	Máy bơm	01	Giống cây rừng Trồng rừng
			Cuốc	10	
			Cào	05	
			Xẻng	10	
			Dao phát	10	
			Thùng tưới	02	
			Máy cắt thực bì	01	
			Bình bơm phun sương	02	
			Thùng tôn	05	
			Thùng nhựa	05	
			Khay gieo hạt 1x1x0,2m	10	
			Thước dây 30m	04	
			Dao ghép	10	
			Kéo cắt cành	5	

Vinh, ngày tháng 4 năm 2014

**Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo  
Nghệ An**

**Hiệu trưởng**

### 2.3. Thư viện, giáo trình, sách:

+ Thư viện: Nhà trường có 01 Trung tâm thư viện, diện 403,5m<sup>2</sup>, trong đó diện tích phòng đọc rộng 200 m<sup>2</sup>, số chỗ ngồi 100 người. Bên cạnh thư viện truyền thống, nhà trường còn có thư viện điện tử, với 01 bộ phần mềm quản lý thư viện và các thiết bị kèm theo, có 50 máy tính phục vụ tra cứu. Thư viện điện tử phục vụ tra cứu từ xa và đọc tài liệu nội bộ của trường, định hướng trong thời gian tới, thư viện sẽ kết nối với cơ sở dữ liệu của các trường trong nước thông qua Liên hợp thư viện Việt Nam, trang tailieu.vn...

+ Số lượng sách, tài liệu của trường hiện có là 2.610 đầu sách với

21.500 bản sách, 62 đầu báo và tạp chí. Riêng giáo trình và tài liệu tham khảo cho ngành Lâm nghiệp, có 64 giáo trình, 79 tài liệu chuyên khảo, tham khảo đủ để phục vụ cho giảng dạy và học tập của ngành (*chi tiết tại bảng 5 và 6*)

**Bảng 5: Danh mục giáo trình của ngành đào tạo**

Số TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
1	New Cutting Edge (Pre-Intermediate)	Sarah Cunningham Peter Moor	NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội	2011	5	Tiếng Anh cơ bản phần 1,2
2	New headway – Elementary	Liz & John Soars	Đại học quốc gia Hà Nội	2003	320	Tiếng Anh cơ bản phần 1
3	New headway – Pre-Intermediate	Liz & John Soars	Đại học quốc gia Hà Nội	2003	325	Tiếng Anh cơ bản phần 2
4	Tiếng Anh chuyên ngành Lâm nghiệp	Nguy Văn Thùy	Tài liệu lưu hành nội bộ	2007	100	Tiếng Anh chuyên ngành lâm nghiệp
5	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2009	1120	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 1,2
6	Tư tưởng Hồ chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2009	830	Tư tưởng Hồ chí Minh
7	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2009	960	Đường lối cách mạng của ĐCSVN
8	Xã hội học	Lương Văn Úc (CB)	Trường ĐH KT Quốc dân	2009	5	Xã hội học
9	GT Luật đại cương	Nguyễn Hợp Toàn (CB)	Trường ĐH KT Quốc dân	2012	5	Pháp luật Đại cương
10	Kỹ thuật Soạn thảo văn bản	Lương Văn Úc	Trường ĐH KT Quốc dân	2013	5	Văn bản trong quản lý
11	GT Tin học Đại cương	PGS TS Hàn Viết Thuận	Trường ĐH KT Quốc dân	2010	5	Tin học đại cương
12	Lý thuyết XS và Thống kê toán	PGS.TS. Nguyễn Cao Văn (CB)	Trường ĐH KT Quốc dân	2012	5	XS và Thống kê
13	GT Giáo dục QP (Tập 1, 2)	Đào Duy Hiệp (CB)	Giáo dục	2008	350	Giáo dục quốc phòng
14	BG Môn GDTC	Võ Thị Nguyễn	Tài liệu nội bộ	2012	5	Giáo dục thể chất

15	GT Hóa học Đại cương	Dương Văn Đạm	Nông nghiệp HN	2008	5	Hóa học đại cương
16	GT Hóa phân tích	Nguyễn Trường Sơn (CB)	Nông nghiệp HN	2007	5	Hóa học phân tích
17	Sinh học phân tử đại cương	PGS TS Phan Hữu Tôn	Nông nghiệp, Hà Nội	2009	5	Sinh học phân tử
18	GT Sinh học Đại cương	Lê Mạnh Dũng (CB)	Nông nghiệp HN	2013	5	Sinh học đại cương
19	GT Vật lý	Trần Đình Đông (CB)	Nông nghiệp, Hà Nội	2	5	Vật lý đại cương
20	GT Toán cao cấp	Lê Đức Vĩnh (CB)	Nông nghiệp HN	2013	5	Toán cao cấp
21	Hóa sinh đại cương	Ngô Xuân Mạnh	Nông nghiệp, Hà Nội	2010	2	Hóa sinh đại cương
22	Giáo trình Công nghệ sinh học	Nguyễn Quang Thạch	Nông nghiệp, Hà Nội	2005	2	Công nghệ sinh học
23	Lâm học	Phạm Xuân Hoàn (CB)	Nông nghiệp, Hà Nội	2003	15	Kỹ thuật lâm sinh
24	Kỹ thuật lâm sinh nâng cao	Phạm Xuân Hoàn (CB)	Nông nghiệp, Hà Nội	2011	10	Kỹ thuật lâm sinh
25	Thống kê sinh học	Nguyễn Hải Tuất (CB)	Nông nghiệp, Hà Nội	2009	5	Thống kê lâm nghiệp
26	Giáo trình Thống kê toán học trong lâm nghiệp,	Ngô Kim Khôi	Nông nghiệp, Hà nội	1997	15	Thống kê lâm nghiệp
27	Tin học ứng dụng trong lâm nghiệp	Ngô Kim Khôi (CB)	Nông nghiệp, Hà nội	2001	5	Thống kê lâm nghiệp
28	Xây dựng và quản lý dự án lâm nghiệp xã hội	Lê Sĩ Việt (CB)	ĐH Lâm Nghiệp	1999	5	Xây dựng và quản lý dự án lâm nghiệp xã hội
29	Khoa học gỗ	Lê Xuân Tình	Nông Nghiệp	1998	10	Khoa học gỗ
30	Khai thác và vận chuyển lâm sản	Trịnh Hữu Trọng (CB)	Nông Nghiệp	2001	10	Khai thác lâm sản
31	Khai thác lâm sản	Trần Mỹ Thắng	ĐH Lâm nghiệp	2001	5	Khai thác lâm sản
32	Sản lượng rừng	Vũ Tiến Hình	Nông nghiệp, Hà nội	2003	5	Sản lượng rừng
33	Kinh tế lâm nghiệp	Nhiều tác giả	Nông nghiệp, Hà nội	2010	10	Kinh tế lâm nghiệp
34	Địa lý sinh vật	Lê Vũ Khôi (CB)	ĐH Quốc Gia Hà Nội	2001	2	Địa lý sinh vật
35	Giống cây rừng	Lê Đình	Nông nghiệp,	2003	5	Giống cây rừng

		Khả (CB)	Hà nội			
36	Sinh lý thực vật	Nhiều tác giả	Nông nghiệp, Hà nội	2006	5	Sinh lý thực vật
37	Giáo trình sinh lý thực vật	Hoàng Minh Tuấn	Nông nghiệp, Hà nội	2006	5	Sinh lý thực vật
38	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Nguyễn Trọng Bình	Tài liệu lưu hành nội bộ, ĐHLN	2012	1	Phương pháp nghiên cứu khoa học
39	Nông lâm kết hợp	Đoàn Văn Điềm (CB)	Khoa học tự nhiên và công nghệ Hà Nội	2010	5	Nông lâm kết hợp
40	Sinh thái rừng	Hoàng Kim Ngũ (CB)	Nông nghiệp Hà Nội	2005	10	Sinh thái rừng
41	Sinh thái rừng	Nguyễn Văn Thêm	Nông nghiệp Hà Nội	2002	10	Sinh thái rừng
42	Bài giảng: Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý và viễn thám trong lâm nghiệp	Chu Ngọc Thuần	Nông nghiệp Hà Nội	2003	1	Ứng dụng GIS trong lâm nghiệp
43	Lâm nghiệp xã hội đại cương	Nguyễn Bá Ngãi (CB)	Nông nghiệp Hà Nội	2006	5	Lâm nghiệp xã hội
44	Đông vật rừng	Phạm Nhật (CB)	Nông nghiệp Hà Nội	1998	5	Đông vật rừng
45	Khuyến lâm	Đình Đức Thuận (CB)	Nông Nghiệp Hà Nội	2006	5	Khuyến lâm
46	Bảo Vệ Thực Vật	Nguyễn Thế Nhã (CB)	Nông Nghiệp Hà Nội	2004	5	Côn trùng lâm nghiệp
47	Côn trùng học, tập 1	Nguyễn Thế Nhã	Nông Nghiệp Hà Nội	2009	5	Côn trùng lâm nghiệp
48	Giáo trình Đa dạng sinh học	Lê Mạnh Dũng	Nông Nghiệp Hà Nội	2010	5	Đa dạng sinh học
49	Bài giảng Thực vật học	Hoàng Hoa Quế và Nguyễn Thị Dân	Lưu hành nội bộ ĐHLN	1993	1	Thực vật rừng
50	Hình thái và phân loại thực vật	Lê Thị Huyền, Nguyễn Tiên Hiệp	Nông Nghiệp Hà Nội	2004	1	Hình thái và PLTV
51	Hình thái-Giải phẫu học thực vật	Hoàng Thị Sản, Hoàng Thị Bé	Giáo dục	2001	1	Hình thái và PLTV
52	Hệ thống học thực vật	Nguyễn Nghĩa Thìn, Đặng Thị Sy	Đại học QGHN	2004	1	Hình thái và PLTV
53	Phân loại học thực vật	Hoàng Thị Sản	Giáo dục	1999	1	Hình thái và PLTV

54	Phân loại thực vật học (tập 2)	Lương Ngọc Toàn (CB)	Đại học và THCN	1978	1	Hình thái và PLTV
55	Đất lâm nghiệp	Hà Quang Khải (CB)	Nông Nghiệp Hà Nội	2002	5	Đất lâm nghiệp
56	Trồng rừng	Ngô Quang Đê, Nguyễn Hữu Vĩnh	Nông Nghiệp Hà Nội	1997	5	Trồng rừng, Nông lâm kết hợp
57	Bệnh cây rừng	Trần Văn Mão	Nông Nghiệp Hà Nội	1997	1	Bệnh cây rừng, Trồng rừng,
58	Điều tra rừng	Vũ Tiến Hinh (CB)	Nông Nghiệp Hà Nội	1997	5	Điều tra rừng
59	Bệnh cây học	Phạm Quang Thu	Nông Nghiệp Hà Nội	2009	5	Bệnh cây học, Trồng rừng
60	Khí tượng thủy văn	Vương Văn Quỳnh (CB)	Nông Nghiệp Hà Nội	1996	5	Khí tượng thủy văn
61	Quy hoạch lâm nghiệp	Lê Sĩ Việt Trần Hữu Viên	Nông Nghiệp Hà Nội	1999	5	Quy hoạch lâm nghiệp
62	Lửa rừng	Bế Minh Châu (CB)	Nông Nghiệp Hà Nội	2002	5	Lửa rừng
63	Đo đạc lâm nghiệp	Vũ Tiến Hinh (CB)	Nông Nghiệp Hà Nội	1992	5	Đo đạc lâm nghiệp
64	Môi trường và phát triển	Trần Thị Thúy Nga	Tài liệu lưu hành nội bộ, ĐH Kinh tế	2014	1	Môi trường và phát triển

Vinh, ngày tháng 4 năm 2014

**Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo  
Nghệ An**

**Hiệu trưởng**

**Bảng 6: Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo**

Số TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản số, tập, năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
1	Một số vấn đề trong lâm học nhiệt đới	Phạm Xuân Hoàn (CB)	NXB Nông nghiệp, Hà Nội, 2004	5	Trồng rừng, Kỹ thuật lâm sinh, lâm sản ngoài gỗ

2	Cẩm nang ngành lâm nghiệp (32 chương)	Nhiều tác giả	<a href="http://www.vietnamforestry.org.vn/list_news.aspx?cid=38">http://www.vietnamforestry.org.vn/list_news.aspx?cid=38</a>	1	Các môn học ngành lâm nghiệp
3	Kỹ thuật lâm sinh	Shen Guonfang	NXB Lâm nghiệp, Trung quốc, 2001	1	Kỹ thuật lâm sinh
4	Khai thác sử dụng SPSS để xử lý số liệu trong lâm nghiệp	Nguyễn Hải Tuất (CB)	NXB Nông nghiệp, Hà Nội, 2005	5	Thống kê lâm nghiệp
5	Kỹ thuật nhân giống cây rừng	Dương Mộng Hùng	NXB Nông nghiệp, Hà Nội, 2005	5	Giống cây rừng
6	Danh lục các loài thực vật Việt Nam, tập I và II	Trung tâm nghiên cứu TN&MT - ĐHQG	NXB Nông nghiệp, Hà Nội, 2003	10	Thực vật rừng
7	Sách đỏ Việt Nam phần 1	Viện KH và công nghệ Việt Nam	NXB Khoa học tự nhiên và công nghệ, Hà Nội 2007	5	Động vật rừng Kỹ thuật lâm sinh
8	Sách đỏ Việt Nam phần 2	Viện KH và công nghệ Việt Nam	NXB Khoa học tự nhiên và công nghệ, Hà Nội 2007	5	Thực vật rừng Kỹ thuật lâm sinh
9	Môi trường và phát triển bền vững	Lê Văn Khoa	NXB Giáo dục Việt Nam, 2010	10	Môi trường và phát triển
10	Đánh giá rủi ro môi trường	Lê Thị Hồng Trâm	NXB Khoa học kỹ thuật, 2008	5	Môi trường và phát triển
11	Khoa học môi trường	Lê Văn Khoa	NXB Giáo dục Việt Nam, 2011	5	Môi trường và phát triển
12	Thực vật chí Việt Nam (17 tập)	Viện KH và công nghệ Việt Nam	NXB Khoa học kỹ thuật, 2007	2	Thực vật rừng
13	Chọn giống cây rừng	Nhiều tác giả	Nông Nghiệp, 2005	1	Giống cây rừng
14	Công nghệ chọn giống cây trồng	Phạm Hữu Tôn	Nông Nghiệp, 2005	1	Công nghệ sinh học
15	Sinh học tế bào	Nguyễn Như Hiền	Giáo dục, 2012	1	Công nghệ sinh học
16	Sinh học tế bào trong bảo vệ thực vật	Phạm Thị Thủy	Giáo dục, 2010	1	Công nghệ sinh học
17	Tin học trong công nghệ sinh học	Chu Văn Mẫn	Giáo dục, 2011	1	Công nghệ sinh học
18	Động vật học, Phần động vật không xương sống	Thái Trần Bái – Hoàng Đức Thuận	Nhà xuất bản giáo dục, năm 1998	1	Động vật rừng
19	Động vật học có xương sống	GS. Lê Vũ Khôi	Nhà xuất bản giáo dục, năm 2005	1	Động vật rừng
20	Nguyên tắc phân loại và danh pháp động vật	Nguyễn Ngọc Châu	Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và công nghệ Hà nội, năm 2007	1	Động vật rừng

21	1900 loài cây có ích	Trần Đình Lý và cộng sự	Thế Giới,1993	1	Lâm sản ngoài gỗ
22	Bảo tồn thiên nhiên Vườn Quốc gia Cúc Phương	Bộ NN&PTNT, Vườn Quốc gia Cúc Phương	Nông nghiệp,2002	1	Đa dạng sinh học
23	Cẩm nang điều tra ĐDSH	Nguyễn Nghĩa Thìn	Nông nghiệp,2001	1	Đa dạng sinh học
24	Cẩm nang giám sát đa dạng sinh học biển VQG Côn Đảo	Dự án của UNDP, GEF, CDP	Thanh niên,2012	1	Đa dạng sinh học
25	Cẩm nang nghiên cứu đa dạng sinh học	Nguyễn Nghĩa Thìn	Nông nghiệp,1997	1	Thực vật rừng
26	Cẩm nang tra cứu và nhận biết các họ thực vật hạt kín ở Việt Nam	Nguyễn Tiến Bản	Nông nghiệp,1997	1	Thực vật rừng
27	Cây cỏ có ích ở Việt Nam, Tập I-II	Võ Văn Chi, Trần Hợp	Giáo dục,1999	1	Thực vật rừng, Lâm sản ngoài gỗ
28	Cây gỗ rừng Việt Nam	Viện điều tra quy hoạch rừng	Nông thôn,1969-1986	1	Thực vật rừng
29	Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam, Tập I-II	Đỗ Huy Bích (CB)	Khoa học và Kỹ thuật,2004	1	Lâm sản ngoài gỗ
30	Chính sách và thực tiễn phục hồi rừng ở Việt Nam	IUCN	Lưu hành nội bộ,1999	1	Kỹ thuật lâm sinh
31	Đa dạng sinh học Việt Nam, đặc trưng và tầm quan trọng	Cục Bảo vệ Môi trường, Bộ TN&MT	Lưu hành nội bộ,2005	1	Đa dạng sinh học
32	Đánh giá công tác quản lý hệ thống rừng đặc dụng tỉnh Bà Rịa- Vũng tàu	WWF và Cục Kiểm Lâm	Báo cáo kỹ thuật số 3 Hà Nội,2002	1	Đa dạng sinh học
33	Danh lục các loài thực vật Việt Nam (Tập II-III)	Nguyễn Tiến Bản (CB)	Nông nghiệp,2003-2005	1	Lâm sản ngoài gỗ
34	Điều tra đa dạng sinh học, cẩm nang đào tạo	Dự án LNXH&BTNT Nghệ An	Lưu hành nội bộ,2000	1	Đa dạng sinh học
35	Diversity and classification of flowering plants	Takhtajan A.	Columbia University Press., New York,1987	1	Hình thái và PLTV
36	Động vật có xương sống	Lê Vũ Khôi	Giáo dục,1995	1	Động vật rừng
37	Động vật không xương sống	Thái Trần Bái (CB)	Giáo dục,2001	1	Động vật rừng
38	Hệ thống văn bản	UBND Tỉnh	Nghệ An,2010	1	Môi trường và



	pháp luật về bảo vệ môi trường	Nghệ An			phát triển
39	Khu dự trữ sinh quyển miền Tây Nam Nghệ An	UBND Tỉnh Nghệ An	Lưu hành nội bộ,2013	1	Đa dạng sinh học
40	Lâm sản ngoài gỗ Việt Nam	Triệu Văn Hùng	Bản đồ,2007	1	Lâm sản ngoài gỗ
41	Nguồn gốc và sự phát tán của thực vật có hoa	Nguyễn Bá (CB)	Khoa học và Kỹ thuật,1977	1	Hình thái và PLTV
42	Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam (tái bản lần thứ 9)	Đỗ Tất Lợi	Y học,1999	1	Lâm sản ngoài gỗ
43	Những họ thực vật có hoa, Tập I-II (Nguyễn Thạch Bích và nnk dịch)	Hutchinson J.	Khoa học và kỹ thuật,1978	1	Thực vật rừng
44	Quản lý Động vật hoang dã vùng nhiệt đới	Nguyễn Minh Hân (CB)	Lưu hành nội bộ,2002	1	Động vật rừng
45	Quản lý Động vật hoang dã vùng nhiệt đới	Bùi Hữu Hạnh (CB)	Lưu hành nội bộ,2002	1	Động vật rừng
46	Quy hoạch và quản lý Vườn quốc gia và Khu bảo tồn thiên nhiên ở khu vực Đông nam Á	Nguyễn Tấn Phong (dịch), WWF	,2001	1	Đa dạng sinh học
47	Sách đỏ Việt Nam (Phần II - Thực vật)	Nguyễn Tiến Bản (CB)	Khoa học và Công nghệ,2007	5	Lâm sản ngoài gỗ
48	Sinh học phát triển Thực vật	Nguyễn Như Khanh	Giáo dục,2007	1	Thực vật rừng
49	Sinh học xã hội sinh vật và tính đa dạng sinh học	Nguyễn Ngĩa Thìn (CB)	Lưu hành nội bộ của Trường ĐH khoa học Tự nhiên,1995	1	Đa dạng sinh học
50	Sổ tay ngoại nghiệp nhận diện thú khu vực Phong Nha- Kẻ Bàng	Phạm Nhật (CB)	Lao động- Xã hội,2000	1	Động vật rừng
51	Sổ tay sử dụng bền vững	Dự án bảo vệ rừng lưu vực sông Nghệ An	Lưu hành nội bộ,2005	1	
52	Tài liệu giáo dục môi trường phục vụ sinh hoạt ngoại khóa (dành cho trường học ở Vùng đệm VQG Pù Mát)	Dự án LNXH & BTTN Nghệ An	Lưu hành nội bộ,2003	1	Môi trường và phát triển
53	Tài nguyên cây gỗ Việt Nam	Trần Hợp	Nông nghiệp,2002	1	Thực vật rừng

54	Tài nguyên thực vật	Trần Minh Hợi (CB)	Khoa học và Công nghệ, 2013	1	Thực vật rừng, Lâm sản ngoài gỗ
55	Nông nghiệp Nghệ An quy hoạch và những tìm tòi phát triển	Trần Kim Đôn	Nghệ An, 2005	5	Quy hoạch lâm nghiệp
56	Những điều nông dân miền núi cần biết	Cục Khuyến Nông nghiệp Khuyến Lâm	Nông nghiệp, 2001	1	Trồng rừng
57	Khoa học công nghệ nông nghiệp và phát triển nông thôn 20 năm đổi mới	Vũ Năng Dũng	Chính trị Quốc gia	1	Quy hoạch lâm nghiệp
58	Sử dụng cây bản địa vào trồng rừng ở Việt Nam	Nguyễn Bá Chất, Phạm Ngọc Cơ, Bùi Đoàn	Nông nghiệp, 2002	5	Trồng rừng Nông lâm kết hợp Lâm sản ngoài gỗ
59	Định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng	Quyết định số 38	Hà Nội, 2005	5	Trồng rừng Kỹ thuật lâm sinh
60	Hội đáp về kỹ thuật trồng rừng	Phan Công Chung (CB)	Thanh Hóa, 2004	5	Trồng rừng
61	Sinh học sự phát triển và sinh thái học hạt giống cây rừng	Nguyễn Xuân Liều (dịch)	Nông nghiệp, 2002	1	Trồng rừng Giống cây rừng
62	Kỹ thuật trồng cây lâm nguyên liệu giấy	Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam	Lao động xã hội, 2002	5	Trồng rừng
63	Tre trúc gây trồng và sử dụng	Ngô Quang Đê (CB)	Nghệ An, 2003	5	Trồng rừng
64	Sổ tay Điều tra quy hoạch rừng	Viện Điều tra Quy hoạch rừng	NN Hà Nội, 1995	5	Điều tra rừng, Quy hoạch lâm nghiệp
65	Sử dụng đất bền vững ở Trung du, miền núi	Phạm Đức Tiến	Nông nghiệp, 2003	5	Trồng rừng, Quy hoạch lâm nghiệp
66	Luật bảo vệ môi trường và Nghị định hướng dẫn thi hành		Chính trị Quốc gia, 2004	5	Môi trường và phát triển
67	Luật bảo vệ môi trường		Chính trị Quốc gia, 2008	2	Môi trường và phát triển
68	Luật bảo vệ và phát triển rừng		Chính trị Quốc gia, 2005	5	Pháp luật lâm nghiệp
69	Canh tác nương rẫy và phục hồi rừng sau nương rẫy ở Việt	Võ Đại Hải (CB)	Nghệ An, 2003	5	Trồng rừng

	Nam				
70	Kỹ thuật trồng cây có dầu cho giá trị kinh tế cao cây Sờ, Cây Trám, Cây Hạnh đào		Lao động xã hội, 2002	1	Trồng rừng
71	Bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng Việt Nam	Hoàng Hòe	Giáo dục, 1998	1	Môi trường và phát triển
72	Biểu điều tra kinh doanh rừng trồng của 14 loài cây chủ yếu	Bộ NN&PTNT	Nông nghiệp, 2003	5	Điều tra rừng
73	Kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ lâm nghiệp giai đoạn 1996-2000	Trần Đình Sâm	Nông nghiệp, 2001	5	Trồng rừng, Quy hoạch lâm nghiệp
74	Thiên tai khô hạn cháy rừng và giải pháp phòng cháy chữa cháy rừng ở Việt Nam	Phạm Ngọc Hưng	Nông nghiệp, 2001	1	Lửa rừng
75	Giáo trình phát triển nông thôn	Mai Thanh Cúc (CB)	Nông Nghiệp, 2005	1	Quy hoạch lâm nghiệp
76	Giáo trình Thổ nhưỡng học	Nguyễn Mười (CB)	Nông Nghiệp, 2000	1	Đất lâm nghiệp
77	Bảo Vệ Thực Vật	Nguyễn Thế Nhã, Trần Văn Mão	Nông Nghiệp, 2001	1	Bệnh cây rừng
78	Quản lý môi trường cho sự phát triển bền vững	Lưu Đức Hải, Nguyễn Ngọc Sinh	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000	1	Môi trường và phát triển
79	Quản lý lửa rừng	Bé Minh Châu	Nông Nghiệp, 2012	5	Lửa rừng

Vinh, ngày tháng 4 năm 2014

**Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo  
Nghệ An**

**Hiệu trưởng**

### **3. Hoạt động nghiên cứu khoa học**

Hoạt động nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên và sinh viên nhà trường tập trung vào lĩnh vực nghiên cứu các đề tài đáp ứng yêu cầu quản lý kinh tế, tài chính tại địa phương và các đề tài cấp trường của khối Nông Lâm Ngư (Khoa học cây trồng, chăn nuôi – Thú y, Lâm nghiệp, Thủy lợi,...). Từ năm 2000 đến nay, trường đã chủ trì 03 đề tài cấp tỉnh liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu, đề xuất các cơ chế chính sách về kinh tế, tài chính để đổi mới và hoàn thiện công tác quản lý kế toán xã, để huy động các nguồn lực tài chính cho phát triển cơ sở hạ tầng, cho phát triển kinh tế nông thôn của tỉnh Nghệ An

Ngoài các đề tài nghiên cứu khoa học, Hội đồng khoa học đã tiến hành thẩm định nhiều sáng kiến kinh nghiệm phục vụ cho việc dạy và học.

Công tác biên soạn giáo trình, bài giảng liên tục được triển khai, đã thẩm định được hơn 50 đầu sách phục vụ cho việc dạy và học.

Từ năm 2009 đến nay, Nhà trường đã xuất bản được 7 Tập san “Thông tin Khoa học Kỹ thuật”, đây là nơi để cho giảng viên công bố các công trình khoa học, trao đổi kinh nghiệm và các thông tin về chuyên môn.

### **4. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học**

Trường đã có quan hệ tốt với các tổ chức nước ngoài trong việc đào tạo phát triển các kỹ năng cho giảng viên và sinh viên, đặc biệt là kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng nghe nói tiếng Anh giáo tiếp do tổ chức WUSC (Tổ chức hỗ trợ Đào tạo Đại học Thế giới Canada), do các chuyên gia và tình nguyện viên của Canada giảng dạy.

Ngoài ra, Trường còn hợp tác với trường Nông nghiệp của Tỉnh Bulikhawmxay (Cộng hoà Dân chủ nhân dân Lào) trong việc đào tạo giúp nước bạn các sinh viên thuộc các chuyên ngành khác nhau (Khoa học cây trồng, Chăn nuôi thú y, Kế toán tài chính, v.v...).

Đặc biệt, Nhà trường còn hợp tác với Trung tâm nghiên cứu Sa mạc Ramat Negev của Israel trong việc hỗ trợ tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp, giúp sinh viên có cơ hội học tập và làm việc tại nước ngoài, các em được nâng cao tay nghề và phát huy được những kiến thức đã được học trong quá trình đào tạo.

**Phần 3**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

<b>Tên chương trình:</b>	<b>Đào tạo kỹ sư Lâm nghiệp</b>
<b>Trình độ đào tạo:</b>	<b>Đại học</b>
<b>Ngành đào tạo:</b>	<b>Lâm nghiệp (Forestry)</b>
<b>Mã ngành:</b>	<b>52620201</b>
<b>Loại hình đào tạo:</b>	<b>Chính quy</b>

## **1. Mục tiêu đào tạo**

### **1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo cán bộ kỹ thuật có trình độ đại học có kiến thức và kỹ năng về Lâm nghiệp; có thái độ lao động nghiêm túc và có đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe; có khả năng hợp tác và quản lý nguồn lực; khả năng thích ứng với công việc đa dạng ở các cơ quan khoa học, quản lý sản xuất, doanh nghiệp hoặc tự tạo lập công việc sản xuất và dịch vụ Lâm nghiệp.

### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

#### *1.2.1. Về kiến thức:*

- Có kiến thức cơ bản vững chắc, kiến thức về chuyên môn sâu về sinh lý thực vật và sinh thái rừng, cây rừng, đất rừng và động vật rừng.
- Có kiến thức vững vàng về các biện pháp tạo rừng và phương thức xử lý lâm sinh đối với từng loại rừng.
- Có kiến thức về các phương pháp đánh giá tài nguyên rừng, công tác quy hoạch lâm nghiệp và thiết kế sản xuất kinh doanh rừng.
- Có kiến thức cần thiết về kinh tế xã hội và nhân văn cũng như kiến thức về luật pháp để tổ chức, chỉ đạo các hoạt động nghiên cứu khoa học và sản xuất lâm nông nghiệp trong thực tiễn sản xuất.
- Có hiểu biết về khoa học kỹ thuật công nghệ lâm sinh, công nghiệp rừng, quản lý bảo vệ rừng và quản lý kinh tế lâm nghiệp.

#### *1.2.2. Về kỹ năng*

- Nhận biết cây rừng, phân loại rừng, phân loại gỗ, áp dụng các nguyên lý lâm sinh cơ bản trong sinh thái rừng, trồng rừng, chọn giống lâm nghiệp, điều tra, quy hoạch, khai thác rừng, quản lý bảo vệ rừng, xây dựng các mô hình nông lâm kết hợp...

- Sử dụng thành thạo các dụng cụ, máy đo đạc, điều tra, khai thác rừng, quản lý bảo vệ rừng, thiết kế sản xuất kinh doanh và nghiên cứu khoa học trong lâm nghiệp.

- Tổ chức các hoạt động điều tra thu thập số liệu ngoại nghiệp, thành thạo việc xử lý, tính toán nội nghiệp, viết được các báo cáo thuyết minh theo các chuyên đề trong lâm nghiệp

- Sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng thông dụng như Word, Excel, Powerpoint, Internet, phần mềm thống kê toán học trong lâm nghiệp.

### *1.2.3. Về thái độ*

- Có lập trường tư tưởng vững vàng, yêu nghề, trung thực, có nếp sống lành mạnh.

- Luôn có ý thức phấn đấu vươn lên về mọi mặt, có quan hệ xã hội tốt và đúng mức, có tinh thần trách nhiệm, ý thức cộng đồng và tác phong chuyên nghiệp

Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn trong việc quản lý, khai thác, bảo vệ rừng và tài nguyên thiên nhiên.

### *1.2.4. Trình độ ngoại ngữ, tin học:*

Đạt yêu cầu về tin học và ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Kinh tế Nghệ An

### *1.2.5. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp*

Tốt nghiệp Đại học ngành Lâm nghiệp, sinh viên có thể làm việc tại: các cơ quan quản lý Nhà nước về Nông – Lâm nghiệp và công nghiệp rừng; Tham gia xây dựng và tổ chức thực hiện quy trình kỹ thuật lâm nghiệp; các cơ quan nghiên cứu và chuyển giao công nghệ Lâm nghiệp; các Phòng Nông – Lâm huyện, các Trung tâm Khuyến nông – Khuyến Lâm; Ban nông lâm nghiệp cấp xã, tham gia các dự án Lâm nghiệp; các tổ chức Chính phủ và phi Chính phủ trong sản xuất, kinh doanh Lâm nghiệp.

**2. Thời gian đào tạo:** 4 năm; Tùy theo khả năng và điều kiện học tập, sinh viên có thể rút ngắn còn 3 năm hoặc kéo dài thời gian học tối đa đến 6 năm.

### 3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 135 TC

(chưa kể phần nội dung về Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b> (chưa kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)	<b>50</b>
<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>85</b>
- Kiến thức cơ sở ngành	25
- Kiến thức ngành (kể cả kiến thức chuyên ngành)	40
- Kiến thức bổ trợ	6
- Thực tập nghề nghiệp	4
- Khoá luận tốt nghiệp	10

**4. Đối tượng tuyển sinh:** Học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học hoặc tương đương thuộc các tỉnh thành trong cả nước thông qua các kỳ tuyển sinh đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### 5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

#### 5.1. Quy trình đào tạo:

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 4 năm gồm 8 học kỳ, trong đó có 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại trường và 1 học kỳ thực tập tốt nghiệp. Cuối khóa, sinh viên viết luận văn tốt nghiệp.

Sinh viên đào tạo theo loại hình chính quy áp dụng Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và điều kiện cụ thể của nhà trường.

#### 5.2. Công nhận tốt nghiệp:

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các tiêu chuẩn theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và điều kiện cụ thể của nhà trường.

### 6. Thang điểm:

Thực hiện theo điều 22 và điều 23 “Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”, ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ

– BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc đánh giá và xếp loại kết quả học tập được quy định như sau:

Loại	Điểm	Loại
Đạt	A (từ 8,5 đến 10)	Giỏi
	B (từ 7 đến dưới 8,5)	Khá
	C (từ 5,5 đến dưới 7)	Trung bình
	D (từ 4 đến dưới 5,5)	Trung bình yếu
Không đạt	F (dưới 4)	Kém

### 7. Nội dung chương trình:

STT	Tên môn học	Số TC	LT	BT,TL,TH	Ghi chú
<b>7.1</b>	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>	<b>50</b>	<b>36</b>	<b>14</b>	
<b>7.1.1</b>	<b>Lý luận chính trị</b>	<b>10</b>	<b>7</b>	<b>3</b>	
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	1	1	
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	2	1	
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1,5	0,5	
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	2	1	
<b>7.1.2</b>	<b>Khoa học xã hội</b>	<b>6</b>	<b>4</b>	<b>2</b>	
	<i>Bắt buộc</i>	<i>4</i>	<i>2</i>	<i>2</i>	
1	Pháp luật đại cương	2	1	1	
2	Văn bản trong quản lý	2	1	1	
	<i>Tự chọn (chọn 1 trong 2 HP)</i>	<i>2</i>	<i>2</i>	<i>0</i>	
1	Dân số học	2	2	0	
2	Xã hội học	2	2	0	
<b>7.1.3</b>	<b>Ngoại ngữ</b>	<b>9</b>	<b>6</b>	<b>3</b>	
1	Anh văn 1	3	2	1	
2	Anh văn 2	4	3	1	
3	Anh văn chuyên ngành	2	1	1	
<b>7.1.4</b>	<b>Toán - Tin - Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường</b>	<b>25</b>	<b>19,5</b>	<b>5,5</b>	
	<i>Bắt buộc</i>	<i>23</i>	<i>18</i>	<i>5</i>	
1	Toán cao cấp	3	2,5	0,5	
2	Xác suất thống kê	3	2,5	0,5	
3	Tin học đại cương	3	2	1	
4	Vật lý đại cương	2	1	1	
5	Hóa đại cương	3	2,5	0,5	
6	Hóa phân tích	3	2,5	0,5	
7	Sinh đại cương	2	1,5	0,5	
8	Sinh phân tử	2	2	0	
9	Hình thái và phân loại thực vật	2	1,5	0,5	



	<i>Tự chọn(chọn 1 trong 2 HP)</i>	2	1,5	0,5	
1	Địa lý sinh vật	2	1,5	0,5	
2	Công nghệ sinh học	2	1,5	0,5	
<b>7.1.5</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>	<b>3</b>	<b>0,5</b>	<b>2,5</b>	
<b>7.1.6</b>	<b>Giáo dục quốc phòng - an ninh</b>	<b>8</b>	<b>7</b>	<b>1</b>	
<b>7.2</b>	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>	<b>85</b>	<b>50</b>	<b>35</b>	
<b>7.2.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>25</b>	<b>17</b>	<b>8</b>	
1	Hóa sinh đại cương	2	1,5	0,5	
2	Sinh lý thực vật	3	2	1	
3	Khí tượng thủy văn	2	1,5	0,5	
4	Đất lâm nghiệp	3	2	1	
5	Thực vật rừng	3	2	1	
6	Thống kê lâm nghiệp	2	1,5	0,5	
8	Khoa học gỗ	2	1,5	0,5	
7	Đo đạc lâm nghiệp	3	2	1	
8	Sinh thái rừng	3	2	1	
9	Môi trường và phát triển	2	1	1	
<b>7.2.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>	<b>40</b>	<b>28,5</b>	<b>11,5</b>	
	<i>Bắt buộc</i>	<i>36</i>	<i>25,5</i>	<i>10,5</i>	
1	Động vật rừng	2	1,5	0,5	
2	Điều tra rừng	3	2	1	
3	Sản lượng rừng	2	1,5	0,5	
4	Giống cây rừng	2	1,5	0,5	
5	Kỹ thuật lâm sinh	2	1,5	0,5	
6	Côn trùng lâm nghiệp	3	2	1	
7	Bệnh hại rừng	2	1,5	0,5	
8	Pháp luật lâm nghiệp	3	2	1	
9	Lửa rừng	3	2	1	
10	Quy hoạch lâm nghiệp	3	2	1	
11	Khai thác lâm sản	2	1,5	0,5	
12	Lâm sản ngoài gỗ	2	1,5	0,5	
13	Trồng rừng	3	2	1	
14	Nông Lâm kết hợp	2	1,5	0,5	
15	PP NCKH chuyên ngành	2	1,5	0,5	
	<i>Tự chọn(chọn 2 trong 3 HP)</i>	<i>4</i>	<i>3</i>	<i>1</i>	
1	Quản lý dự án lâm nghiệp	2	1,5	0,5	
2	Lâm nghiệp xã hội	2	1,5	0,5	
3	Kinh tế lâm nghiệp	2	1,5	0,5	
<b>7.2.3</b>	<b>Kiến thức bổ trợ</b>	<b>6</b>	<b>4,5</b>	<b>1,5</b>	
1	Đa dạng sinh học	2	1,5	0,5	
2	Ứng dụng GIS trong Lâm nghiệp	2	1,5	0,5	
3	Khuyến lâm	2	1,5	0,5	
<b>7.2.4</b>	<b>Thực tập nghề nghiệp (8 tuần)</b>	<b>4</b>		<b>4</b>	
<b>7.2.5</b>	<b>Khóa luận tốt nghiệp (20 tuần)</b>	<b>10</b>		<b>10</b>	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>135</b>	<b>86</b>	<b>49</b>	

## 8. Kế hoạch đào tạo

Thời gian đào tạo khóa học là 04 năm, chia thành 08 học kỳ. Trừ 02 học kỳ đầu và cuối của khóa học, các học kỳ còn lại bố trí giảng từ 20 đến 21 tín chỉ cho mỗi học kỳ. Căn cứ kế hoạch đào tạo theo thiết kế trên đây và điều kiện tiên quyết của các học phần, nhà trường đã dự kiến lộ trình bố trí giảng dạy các học phần trong khóa học để sinh viên lựa chọn, đăng ký như sau:

STT	Tên môn học	Số TC			HK								ĐK Tiên quyết
		Tổng	LT	BT,TH	1	2	3	4	5	6	7	8	
<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>													
<b>Lý luận chính trị</b>													
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	1	1	2								
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	2	1		3							1
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1	1			2						2
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	2	1				3					3
<b>Khoa học xã hội</b>													
<i>Các HP bắt buộc</i>													
5	Pháp luật đại cương	2	1	1		2							
6	Văn bản trong quản lý	2	1	1			2						
<i>Các HP tự chọn (chọn 1 trong 2 HP)</i>													
8	Dân số học	2	2	0				2					
9	Xã hội học	2	2	0									
<b>Ngoại ngữ</b>													
10	Anh văn 1	3	2	1	3								
11	Anh văn 2	4	3	1			4						10
12	Anh văn chuyên ngành	2	1	1						2			11
<b>Toán - Tin - Khoa học tự nhiên - Môi trường</b>													
<i>Các HP bắt buộc</i>													
13	Toán cao cấp	3	2	1	3								
14	Xác suất thống kê	3	2	1		3							13
15	Tin học đại cương	3	2	1			3						
16	Vật lý đại cương	2	1	1		2							
17	Hóa đại cương	3	2	1	3								
18	Hóa phân tích	3	2	1		3							17
19	Sinh đại cương	2	1,5	0,5	2								
20	Sinh phân tử	2	1,5	0,5		2							19
21	Hình thái và phân loại thực vật	2	1	1		2							19
<i>Các HP tự chọn (chọn 1 trong 2 HP)</i>													
22	Địa lý sinh vật	2	1,5	0,5				2					19

23	Công nghệ sinh học	2	1,5	0,5														19
24	<b>Giáo dục thể chất</b>	3				1	1	1										
25	<b>Giáo dục quốc phòng - an ninh</b>	8								3	2	3						4
<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>																		
<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>																		
26	Hóa sinh đại cương	2	1,5	0,5		2												17,19
27	Sinh lý thực vật	3	2	1			3											19
28	Khí tượng thủy văn rừng	2	1,5	0,5				2										
29	Đất lâm nghiệp	3	2	1				3										18
30	Thực vật rừng	3	2	1			3											21
31	Thống kê lâm nghiệp	2	1	1					2									14; 15
32	Khoa học gỗ	2	1,5	0,5				2										
33	Đo đạc lâm nghiệp	3	2	1					3									
34	Sinh thái rừng	3	2	1				3										30
35	Môi trường và phát triển	2	1	1					2									
<b>Kiến thức ngành</b>																		
<b>Các HP bắt buộc</b>																		
36	Động vật rừng	2	1,5	0,5				2										19
37	Điều tra rừng	3	2	1					3									30;31
38	Sản lượng rừng	2	1,5	0,5							2							37
39	Giống cây rừng	3	2	1				3										19;27
40	Kỹ thuật lâm sinh	3	2	1						3								34; 39
41	Côn trùng lâm nghiệp	2	1,5	0,5					2									
42	Bệnh hại rừng	2	1,5	0,5						2								
43	Pháp luật lâm nghiệp	2	1,5	0,5							2							5
44	Lửa rừng	3	2	1								3						
45	Quy hoạch lâm nghiệp	3	2	1						3								37
46	Khai thác lâm sản	2	1,5	0,5							2							30; 32
47	Lâm sản ngoài gỗ	2	1,5	0,5						2								30
48	Trồng rừng	3	2	1					3									30; 34
49	Nông Lâm kết hợp	2	1,5	0,5					2									
50	PP NCKH chuyên ngành	2	1,5	0,5								2						
<b>Các HP tự chọn (chọn 1 trong 2 HP)</b>																		
51	Quản lý dự án LN	2	1,5	0,5														
52	Lâm nghiệp xã hội	2	1,5	0,5														
53	Kinh tế lâm nghiệp	2	1,5	0,5														
<b>Kiến thức bổ trợ</b>																		
54	Đa dạng sinh học	2	1,5	0,5							2							
55	Ứng dụng GIS trong Lâm nghiệp	2	1,5	0,5							2							15; 33
56	Khuyến lâm	2	1,5	0,5								2						
57	<b>Thực tập nghề nghiệp</b>	4		4							2	2						
58	<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>	10		10														10
<b>Tổng cộng</b>		<b>135</b>	<b>82</b>	<b>53</b>		<b>13</b>	<b>20</b>	<b>20</b>	<b>21</b>	<b>20</b>	<b>20</b>	<b>22</b>	<b>10</b>					

## **9. Hướng dẫn thực hiện chương trình:**

- Chương trình đào tạo đại học ngành Lâm nghiệp được thiết kế dựa trên chương trình khung giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành. Chương trình gồm 135 tín chỉ (không tính khối lượng môn học Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng), được thiết kế để giảng dạy và học tập trong 08 học kỳ ( 4 năm học);

- Chương trình được biên soạn theo hướng giảm số giờ lý thuyết, giành nhiều thời gian cho thảo luận, thực hành thực tập, sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận nhằm gắn với yêu cầu đổi mới các phương pháp dạy và học ở bậc đại học.

- Tổ chức giảng dạy học phần, cách đánh giá kết quả học phần thực hiện theo Quy chế số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định về tổ chức quản lý đào tạo trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế Nghệ An.

- Kế hoạch giảng dạy cho các học kỳ được xây dựng trong mục 8 chỉ mang tính chất định hướng (dự kiến) để sinh viên đăng ký khối lượng học tập, giảng viên cố vấn học lập cho sinh viên. Căn cứ vào khối lượng học tập, sinh viên đăng ký theo từng học phần, phòng Đào tạo phối hợp với các Khoa/Bộ môn biên chế lớp học trình Hiệu trưởng phê duyệt và tổ chức thực hiện.

## **10. Dự kiến mức học phí/người học/năm:**

Học phí thu theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An áp dụng cho trường công lập.

**Hiệu trưởng**